

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
- Hạnh phúc
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do**

Bản án số: 29/2023/HS-ST
Ngày: 24- 11- 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tường

Bà Phạm Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án TP Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Hồng Oanh - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sơ thẩm thụ lý số 42/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng T - sinh năm 1995 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: Phố D, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hoàng C và bà: Hà Thị Phương X; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ: ngày 21/7/2023; tạm giam: ngày 30/7/2023 tại nhà tạm giữ Công an thành phố T, “có mặt”.

2. Phạm Ngọc S - sinh năm 1992 tại Thanh Hóa. Nơi thường trú: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: Phố B, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn T1 và bà: Hoàng Thị T2; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: năm 2008 bị TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 32 tháng 10 ngày về tội “Cướp tài sản” (lần phạm tội này chưa thành niên và đã nộp án phí), năm 2011 bị TAND quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội xử phạt 14 tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” (đã nộp án phí); tạm giữ: 21/7/2023; tạm giam: ngày 30/7/2023 tại nhà tạm giam Công an thành phố T, “có mặt”.

3. Nguyễn Xuân T3 - sinh năm 1995 tại Thanh Hóa. Nơi thường trú: Phố B, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn

hóa: 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân L (đã chết) và bà: Nguyễn Thị L1; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: năm 2018 bị TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” (đã nộp án phí); tạm giữ: 21/7/2023; tạm giam: ngày 30/7/2023 tại nhà tạm giam Công an thành phố T, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15h50 phút ngày 21/7/2023, tổ công tác Công an thành phố T tiến hành kiểm tra hành chính đối với Phạm Ngọc S. Khi bị kiểm tra, S tự giác giao nộp 01 (một) gói giấy bạc kích thước khoảng (2 x 3)cm, bên trong chứa 10 (mười) viên nén màu đỏ, hình tròn. S khai nhận là ma túy loại hồng phiến đang cất giấu để bán lại kiếm lời, đồng thời khai nhận số ma túy trên S mua của Nguyễn Hoàng T.

Lúc này, Nguyễn Xuân T3 nhìn thấy cơ quan Công an kiểm tra và bắt giữ đối với Phạm Ngọc S thì T3 đến gặp tổ công tác xin tự thú về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của mình và tự nguyện giao nộp 01 viên hồng phiến màu đỏ, hình tròn cất giấu trong túi quần bên phải đang mặc và khai nhận còn cất giấu 01 viên ma túy loại hồng phiến ở khe gầm giường phòng ngủ phía sau nhà T3 để sử dụng. Đồng thời, Nguyễn Hoàng T cũng đến gặp tổ công tác xin đầu thú về hành vi bán ma túy cho Phạm Ngọc S và Nguyễn Xuân T3 trước đó và khai nhận còn cất giấu dưới gầm giường phía sau nhà T3 97 viên hồng phiến.

Khám xét nơi ở của Nguyễn Xuân T3 phát hiện và thu giữ: tại sàn nhà dưới gầm giường phòng ngủ phía sau có 01 gói giấy bạc, kích thước (0,5 x 1)cm, bên trong chứa 01 viên màu đỏ, hình tròn là ma túy của T3; 01 túi nilon màu xanh tím kích thước khoảng (6 x 9)cm, bên trong chứa 95 viên nén màu đỏ hình tròn, 01 viên nén màu xanh hình tròn và 02 mảnh viên nén màu đỏ là ma túy của Nguyễn Hoàng T cất giấu để bán.

Tại cơ quan điều tra, T khai nhận: Do bản thân không có việc làm ổn định nên nảy sinh ý định mua ma túy về bán lại kiếm lời. Khoảng 11h ngày 21/7/2023, T một mình đi xe ôm đến khu vực trước Nhà thờ C1, phường T, thành phố T tìm mua ma túy. Tại đây, T gặp và mua được ma túy của một người nam giới tên H (khoảng 30 tuổi, chỉ quen mặt không biết rõ địa chỉ) 109 viên hồng phiến với giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Sau khi mua được ma túy, T cất giấu vào túi quần bên phải và đi xe ôm về nhà Nguyễn Xuân T3 chơi điện tử. Đến khoảng 15h cùng ngày, Phạm Ngọc S đến nhà T3 gặp T. Tại đây, S hỏi mua chịu của T 10 viên hồng phiến thì T đồng ý và báo giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Sau đó, T đi vào phòng ngủ phía sau nhà T3 lấy từ túi hồng phiến mới mua đang cất giấu trong người 10 viên ma túy gói vào giấy bạc rồi mang ra đưa cho S. Khi S rời đi thì T3 nói với T gửi thấy mùi hồng phiến và hỏi T nếu có hồng phiến thì cho T3 02 viên để sử dụng. T không đồng

ý cho T3 mà chỉ đồng ý bán lại với giá gốc 30.000 đồng/viên. T3 đồng ý, T đi vào phòng ngủ bên trong nhà T3 lấy từ túi hồng phiến 02 viên đưa cho T3. Số ma túy còn lại, T cất giấu ở gầm giường phòng ngủ phía sau nhà T3 để khi nào có người hỏi mua sẽ bán lại kiếm lời.

Đối với Nguyễn Xuân T3, sau khi mua được ma túy của T, T3 cất giấu 01 viên vào túi quần bên phải đang mặc để tiện sử dụng, viên hồng phiến còn lại T3 gói vào giấy bạc và cất ở khe gầm giường phòng ngủ phía sau nhà T3 để khi nào có nhu cầu sẽ lấy ra sử dụng. Phạm Ngọc S, sau khi mua ma túy của T đến khoảng 15h50 phút cùng ngày, S cất giấu gói ma túy trên bờ tường nhà bà Nguyễn Thị L1 (mẹ đẻ của T3) và đứng chờ bán cho người nghiện thì bị phát hiện, bắt giữ.

Tại bản kết luận giám định số 2759/KL-KTHS ngày 27/7/2023 của Phòng K Công an Tỉnh T kết luận:

- 10 viên nén màu đỏ hình tròn màu đỏ trong gói giấy bạc thu giữ của Phạm Ngọc S, có tổng khối lượng 0,941g (không phẩy chín bốn một gam) là ma túy loại Methamphetamin.

- 01 viên nén màu đỏ hình tròn màu đỏ trong gói giấy bạc thu giữ của Nguyễn Xuân T3 khi tự thú, có tổng khối lượng 0,085g (không phẩy không tám lăm gam) là ma túy loại Methamphetamin.

- 01 viên nén màu đỏ hình tròn thu màu đỏ giữ của T3 cất giấu khi khám xét, có tổng khối lượng 0,093g (không phẩy không chín ba gam) là ma túy loại Methamphetamin.

- 95 viên nén màu đỏ hình tròn màu đỏ, 01 viên nén hình tròn màu xanh và 02 mảnh viên nén màu đỏ trong túi nilong thu giữ của T, có tổng khối lượng 8,813g (tám phẩy tám mười ba gam) là ma túy loại Methamphetamin.

Đối với người nam giới tên H bán ma túy của T, T khai không biết nhân thân, lai lịch của người này. Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không xác định được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với người đi xe ôm chở T đi mua ma túy nhưng T cũng không biết tên và địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, xử lý.

Tại bản cáo trạng số 367/CT-VKS ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng Tuấn về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; Phạm Ngọc S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự và Nguyễn Xuân T3 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự (đối với T). Đề nghị xử phạt từ 07 năm 09 tháng đến 08 năm tù.

- Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự (đối với S). Đề nghị xử phạt từ 36 đến 42 tháng tù.

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự (đối với T3). Đề nghị xử phạt từ 18 đến 24 tháng tù.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng, án phí.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án thấy đủ cơ sở chứng minh: Vào khoảng 15h50 phút ngày 21/7/2023, tại trước nhà bà Nguyễn Thị L1 thuộc phố B, phường Q, thành phố T. Phạm Ngọc S đã có hành vi cất giấu 0,941g ma túy loại Methamphetamine để bán kiếm lời thì bị phát hiện. S khai nhận số ma túy trên mua của Nguyễn Hoàng T.

Quá trình điều tra, T thừa nhận việc bán ma túy cho S và bán cho Nguyễn Xuân T3 02 viên hồng phiến có khối lượng 0,178g ma túy để sử dụng, ngoài ra T còn cất giấu 8,813g ma túy để bán lại kiếm lời. Như vậy, tổng khối lượng ma túy T phải chịu trách nhiệm là 9,932g, Phạm Ngọc S phải chịu trách nhiệm là 0,941g, Nguyễn Xuân T3 phải chịu trách nhiệm là 0,178gam loại Methamphetamin.

Do Nguyễn Hoàng T phạm tội 02 lần trở lên và mua 9,932gam ma túy để bán lại kiếm lời nên phải chịu tình tiết định khung hình theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có cơ sở, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Nguyễn Hoàng T có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự; Bị cáo Phạm Ngọc S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Xuân T3 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[3] Tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, xâm hại trật tự an toàn xã hội, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Mặc dù, các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy nhưng do xem thường pháp nên bị cáo T, S đã mua bán trái phép chất ma túy để kiếm lời, bị cáo T3 đã tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an chung cần phải xử lý nghiêm minh để giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với nhau hoàn toàn độc lập. Bị cáo S và bị cáo T3 có nhân thân xấu đã bị các cơ quan pháp luật cải tạo, giáo dục nhưng lại tiếp tục phạm tội chứng tỏ các bị cáo không chịu rèn luyện bản thân, coi thường pháp luật. Bị cáo T mặc dù có nhân thân tốt nhưng với tính chất nghiêm trọng của loại tội phạm về ma túy, mức độ và hành vi phạm tội thì việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên khi áp dụng hình phạt cần căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Tình tiết giảm nhẹ riêng cho bị cáo T3 là tự thú theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; cho bị cáo T là đầu thú, tích cực ủng hộ phong trào do địa phương phát động và gia đình có bố bị cáo có tham gia quân đội được địa phương xác nhận, căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Mặc dù, bị cáo T và bị cáo T3 mua bán ma túy với mục đích vụ lợi, nhưng các bị cáo đều không có việc làm và thu nhập không ổn định. Bị cáo T3 tàng trữ ma túy với mục đích sử dụng, không có tính chất vụ lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng: Toàn bộ số ma túy thu của các bị cáo được niêm phong bằng phong bì thư là vật nhà nước cấm lưu hành, sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Truy thu bị cáo Phạm Ngọc S 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) và bị cáo Nguyễn Xuân T3 60.000đ (sáu mươi nghìn đồng) là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội để nộp ngân sách Nhà nước, căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo T);
- Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo S);
- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo T3).

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng T, Phạm Ngọc S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Xuân T3 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng T 07 năm 09 tháng (bảy năm chín tháng) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/7/2023.

Bị cáo Phạm Ngọc S 36 (ba sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 21/7/2023.

Bị cáo Nguyễn Xuân T3 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 21/7/2023.

Áp dụng: Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong bằng phong bì thư của Phòng K Công an tỉnh T theo biên bản giao nhận vật chứng số 29/2024/THA ngày 09/11/2023.

Truy thu bị cáo Phạm Ngọc S 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) và bị cáo Nguyễn Xuân T3 60.000đ (sáu mươi nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền án phí, tiền truy thu theo quy định tại các Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKSND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Thủy